

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1698/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2019

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

2. Bà Nguyễn Kim Yên

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 0431/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1976

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Phước T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Đường Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2019 và các bản tự khai, nguyên đơn, Bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: Tôi và Ông Lê Phước T tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 042 ngày 06/3/2003. Sau khi kết hôn, chúng tôi cùng chung sống tại địa chỉ Đường Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 10 năm, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là Ông T hay ăn nhậu rồi về chửi bới tôi. Đến năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tôi nhận thấy không còn tình cảm với Ông T, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Ông T.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 01 con chung tên Lê Thanh S, sinh ngày 27/5/2001. Khi ly hôn tôi đồng ý nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Thanh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, Ông Lê Phước T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã triệu tập nguyên đơn và bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào lời khai của đương sự thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Xét việc khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Bích L phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Xét bị đơn, Ông Lê Phước T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong các buổi xét xử của Tòa án. Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào đăng ký kết hôn số 042 ngày 06/3/2003 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Bích L và Ông Lê Phước T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn, Bà Nguyễn Thị Bích L thì mâu thuẫn giữa Bà L và Ông T phát sinh từ năm 2012, do nguyên nhân do Ông T thường xuyên say xỉn, về nhà gây sự chửi bới Bà L, sự việc kéo dài, Bà L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không sửa đổi. Đến năm 2016, do không giải quyết được mâu thuẫn này nên Bà L đã chủ động sống ly thân cho đến nay.

Tòa án đã triệu tập Ông T tham gia các buổi hòa giải đoàn tụ tại Tòa án nhưng Ông T vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy Ông T không thực sự muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với Bà L.

Theo văn bản số 269/UBND ngày 23/4/2019 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận B thì Ông T và Bà L không thực tế chung sống tại địa chỉ Đường Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn kéo dài, trầm trọng, hai bên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà L và Ông T có 01 con chung tên Lê Thanh S, sinh ngày 27/5/2001, tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì trẻ Lê Thanh S đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Bà Nguyễn Thị Bích Ly.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn Ông Lê Phước T.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh S, sinh ngày 27/5/2001, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, số tiền này được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Bà L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2018/0020448 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích L và Ông Lê Phước T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Nguyễn Kiều Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Trang